

Biểu số 2
TỔNG HỢP CHUNG DANH SÁCH TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỢT 4 NĂM 2020 (LẦN 1)
TRÌNH UBND TỈNH DUYỆT ĐỔI TỰ ĐỘNG VÀ CẤP KINH PHÍ
Từ ngày 01 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Kèm theo Công văn số 2344/STC-QLNS ngày 29/9/2020 của Sở Tài chính Đồng Tháp)

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế	Thời điểm tính giản biên chế	Được hưởng chính sách (1.000 đồng)					Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1.000 đồng)	Bao gồm: các nguồn sử dụng để chi (1.000 đồng)					Lý do tính giản	
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN			Thời việc sau khi đi học nghề	Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên: Sử dụng từ nguồn thu và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị để thực hiện các chính sách tính giản biên chế theo quy định	Trợ cấp một lần bằng 03 tháng, tiền lương hiện hưởng: Cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách được giao hàng năm hoặc nguồn thu của đơn vị được để lại sử dụng theo quy định (đối với đơn vị có nguồn thu)	Đơn vị sử dụng từ Nguồn cải cách tiền lương còn dư tại các đơn vị, địa phương để thực hiện chi	Bổ sung cho đơn vị: Sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương cấp tỉnh								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32		
A	KHÔI HÀNH CHÍNH																							878.143	0	735.983	0	1.614.126	0	86.183	0	1.527.943			
I	KHÔI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ																							878.143	0	735.983	0	1.614.126	0	86.183	0	1.527.943			
L1	CẤP TỈNH (Khối đảng, đoàn thể)																							361.337	0	371.274	0	732.611	0	42.869	0	689.742			
	LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH																							154.272	0	0	0	154.272	0	0	0	154.272			
1	Nguyễn Thanh Nhân	Nam	15/12/1962	Cử nhân Luật	Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động Tỉnh	5,76	6/1/2020	0,70	01/12/2012							5,08	01/06/2015	9.625	8.120			57 tuổi 11 tháng	01/12/2020	154.272					154.272		0		154.272	Đôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý	
																5,42	01/06/2017			33 năm 7 tháng (làm tròn 34 năm)															
																	5,76	01/06/2020																	
HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM TỈNH																							207.065	0	109.255	0	316.320	0	13.143	0	303.177				
2	Huỳnh Hữu Nghĩa	Nam	12/10/1963	Đại học Xã hội học	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức - Kiểm tra, Hội Nông dân Việt Nam Tỉnh	6,44	01/06/2019	0,55	01/10/2004							5,76	01/3/2014	10.415	9.003			57 tuổi 02 tháng	01/01/2021	207.065					207.065		0		207.065	Đôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý	
																6,10	01/3/2017			39 năm 7 tháng (làm tròn 40 năm)															
																	6,44	01/06/2019																	
3	Trần Văn Được	Nam	10/7/1963		Nhân viên bảo vệ, Hội Nông dân Việt Nam Tỉnh	2,94	9/1/2019									2,58	01/09/2015	4.381	3.661			57 tuổi	01/11/2020			109.255	109.255		13.143		96.112	Đôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý.			
																2,76	01/09/2017			17 năm 4 tháng (làm tròn 17,5 năm)															
																	2,94	01/09/2019																	

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Tuổi khi giải quyết tình gian biên chế	Thời điểm giải biên chế	Được hưởng chính sách (1.000 đồng)				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1.000 đồng)	Bao gồm: các nguồn sử dụng để chi (1.000 đồng)				Lý do tinh giản						
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc đặc biệt hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc ngay	Thời việc sau khi đi học nghề		Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên: Sử dụng từ nguồn thu và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị để thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo quy định	Trợ cấp một lần bằng 03 tháng tiền lương hiện hưởng: Cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn dự toán ngân sách được giao hàng năm hoặc nguồn thu của đơn vị được để lại sử dụng theo quy định (đối với đơn vị có nguồn thu)	Đơn vị sử dụng từ Nguồn tài trợ tại các địa phương để thực hiện chi	Bổ sung cho đơn vị: Sử dụng từ nguồn tài trợ lương cấp tỉnh							
A						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	
ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH																											0	0	155.213	0	155.213	0	17.210	0	138.003			
4	Nguyễn Văn Hùng	Nam	17/9/1963		Nhân viên lái xe Cơ quan UBMTTQ VN tỉnh Đồng Tháp	3,85	8/1/2020									3,31	01/8/2014	5.737	4.718	19 năm 3 tháng (làm tròn 19,5 năm)		57 tuổi	01/10/2020			155.213		155.213		17.210		138.003	Đôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý.					
																3,49	01/8/2016																					
																							3,67	01/8/2018														
																							3,85	01/8/2020														
ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TỈNH																									0	0	106.806	0	106.806	0	12.516	0	94.290					
5	Huỳnh Thị Nguyệt Xuân	Nữ	1968		Nhân viên phục vụ, Đảng uỷ Khối các cơ quan Tỉnh	2,8	4/1/2019									2,44	01/4/2015	4.172	3.492	18 năm 1 tháng (làm tròn 18 năm)		52 tuổi 9 tháng	01/10/2020			106.806		106.806		12.516		94.290	Đôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý.					
																			2,62				01/4/2017															
																			2,80				01/4/2019															
1.2 CẤP HUYỆN (Khối đảng, đoàn thể)																									516.806	0	364.709	0	881.515	0	43.314	0	838.201					
HUYỆN ỦY TAM NÔNG																										170.091	0	21.170	0	191.261	0	9.968	0	181.293				
6	Võ Thị Thu Hồng	Nữ	12/12/1967		Cử nhân Xã hội học Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Tam Nông	4,98	01/4/2014	0,20	01/09/2010	21%	01/01/2015	5%	01/04/2017			4,98	01/4/2014	10.473	8.952	33 năm 8 tháng (làm tròn 34 năm)		52 tuổi 10 tháng	11/1/2020	170.091			170.091		0		170.091	Đôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý.						
										22%	01/01/2016	6%	01/04/2018																									
										23%	01/01/2017	7%	01/04/2019																									
										24%	01/01/2018	8%	01/04/2020																									
										25%	01/01/2019																											
										26%	01/01/2020																											
7	Lê Minh Vương	Nam	4/4/1989		Nhân viên lái xe Cơ quan Văn phòng Huyện uỷ Tam Nông	2,23	4/1/2020									2,05	01/4/2018	3.323	2.987	02 năm 6 tháng (làm tròn 2,5 năm)		31 tuổi 6 tháng	01/10/2020			21.170		21.170		9.968		11.202	Đôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý.					
																2,23	4/1/2020																					

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng 12 hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Thời điểm tính gián biên chế	Được hưởng chính sách (1.000 đồng)					Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1.000 đồng)	Bao gồm: các nguồn sử dụng để chi (1.000 đồng)					Lý do tính gián
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN			Thời việc ngay	Thời việc sau khi đi học nghề	Đãi với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên: Sử dụng từ nguồn thu và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị để thực hiện các chính sách tính gián biên chế theo quy định (đãi với đơn vị có nguồn thu)	Trợ cấp một lần bằng 03 tháng tiền lương hiện hưởng: Cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn dự toán ngân sách được giao hàng năm hoặc nguồn thu của đơn vị được để lại sử dụng theo quy định (đãi với đơn vị có nguồn thu)	Đơn vị sử dụng từ Nguồn tài trợ cho đơn vị: Sử dụng từ nguồn tài trợ khác của đơn vị để thực hiện chi		Bổ sung cho đơn vị: Sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương cấp tỉnh					
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32		
	HUYỆN ỦY THÁP MƯỜI																							198.303	0	234.810	0	433.113	0	20.204	0	412.909			
8	Đoàn Thanh Tấn	Nam	16/09/1965		Cử nhân Triết học; cử nhân Luật	Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Tháp Mười	5,42	01/09/2017	0,25	01/5/2013						5,08	01/9/2014	8.374	7.345	36 năm		55 tuổi 01 tháng	11/1/2020	198.303				198.303		0		198.303	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tính gián biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính gián biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý.		
								0,20	01/4/2016							5,42	01/9/2017																		
9	Phạm Thành Sương	Nam	10/9/1969		Cử nhân Chính trị; Cử nhân Luật	Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam huyện Tháp Mười	4,32	8/1/2019	0,20	11/1/2010						3,66	01/08/2013	6.735	5.611	25 năm 4 tháng (làm tròn 25,5 năm)		51 tuổi	10/1/2020			234.810		234.810		20.204		214.606	Đôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính gián biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý.		
																3,99	01/08/2016		5.612																
																4,32	01/08/2019																		
	HUYỆN ỦY LẤP VỎ																							148.412	0	108.729	0	257.141	0	13.142	0	243.999			
10	Võ Văn Hùng	Nam	15/4/1963		Cử nhân Chính trị	Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Lấp Vò	4,98	01/08/2008	0,30	01/08/2009	8%	01/11/2019	9%	01/08/2015		4,98	01/08/2008	9.458	7.811	31 năm 7 tháng (làm tròn 32 năm)		57 tuổi 5 tháng	10/1/2020	148.412				148.412		0		148.412	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tính gián biên chế, cán bộ, công chức được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính gián biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý.		
									0,20	01/05/2018			10%	01/08/2016																					
													11%	01/08/2017																					
													12%	01/08/2018																					
													13%	01/08/2019																					
													14%	01/08/2020																					
11	Đoàn Văn Chính	Nam	1972		Nhân viên bảo vệ Cơ quan Văn phòng Huyện ủy Lấp Vò		2,94	1/1/2019							2,58	01/01/2015	4.381	3.749	16 năm 11 tháng (làm tròn 17 năm)		48 tuổi 11 tháng	01/12/2020			108.729		108.729		13.142		95.587	Đôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính gián biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý.			
															2,76	01/01/2017																			
															2,94	01/01/2019																			
B	KHỎI SỰ NGHIỆP																							0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
C	CÁC TỔ CHỨC HỘI																							0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Tổng Cộng:																							878.143	0	735.983	0	1.614.126	0	86.183	0	1.527.943			

Ghi chú
33

Biểu số 1a
DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI ĐỘT 4 NĂM 2020 (LẦN 1)
TRÌNH UBND TỈNH DUYỆT ĐÓI TƯỢNG VÀ CẤP KINH PHÍ
Từ ngày 01 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Kèm theo Công văn số 2344/STC-QLNS ngày 29/9/2020 của Sở Tài chính Đồng Tháp)

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liên kế		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Thời điểm tính gián biên chế	Kinh phí để thực hiện tính gián biên chế (1000 đồng)				Lý do tính gián	Ghi chú
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc độc hại hoặc có phục vụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH		
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
A	KHÔI HÀNH CHÍNH																							878.143	356.838	206.152	315.153		
I	KHÔI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ																							878.143	356.838	206.152	315.153		
I.1	CẤP TỈNH (Khôi đảng, đoàn thể)																							361.337	128.860	85.612	146.865		
	LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH																							154.272	56.837	40.598	56.837		
1	Nguyễn Thanh Nhân	Nam	15/12/1962	Cử nhân Luật	Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động Tỉnh	5,76	6/1/2020	0,70	01/12/2012							5,08	01/06/2015	9,625	8.120	33 năm 7 tháng (làm tròn 34 năm)		57 tuổi 11 tháng	01/12/2020	154.272	56.837	40.598	56.837	Đôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính gián biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý	
																5,42	01/06/2017												
																5,76	01/06/2020												
HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM TỈNH																							207.065	72.023	45.014	90.028			
2	Huỳnh Hữu Nghĩa	Nam	12/10/1963	Đại học Xã hội học	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức - Kiểm tra, Hội Nông	6,44	01/06/2019	0,55	01/10/2004							5,76	01/3/2014	10.415	9.003	39 năm 7 tháng (làm tròn 40 năm)		57 tuổi 02 tháng	01/01/2021	207.065	72.023	45.014	90.028	Đôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính gián biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý	
																6,10	01/3/2017												
																6,44	01/06/2019												
I.2	CẤP HUYỆN (Khôi đảng, đoàn thể)																						516.806	227.978	120.540	168.288			
	HUYỆN ỦY TAM NÔNG																						170.091	62.665	44.761	62.665			

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản	Ghi chú					
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH							
A						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
3	Võ Thị Thu Hồng	Nữ	12/12/1967	Cử nhân Xã hội học	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ Tam Nông	4,98	01/4/2014	0,20	01/09/2010	21%	01/01/2015	5%	01/04/2017			4,98	01/4/2014	10.473	8.952	33 năm 8 tháng (làm tròn 34 năm)	52 tuổi 10 tháng	11/1/2020	170.091	62.665	44.761	62.665	Đôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý						
										22%	01/01/2016	6%	01/04/2018																				
										23%	01/01/2017	7%	01/04/2019																				
										24%	01/01/2018	8%	01/04/2020																				
										25%	01/01/2019																						
										26%	01/01/2020																						
HUYỆN ỦY THÁP MƯỜI																										198.303	102.824	36.723	58.756				
4	Đoàn Thanh Tấn	Nam	16/09/1965	Cử nhân Triết học; cử nhân Luật	Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Tháp Mười	5,42	01/09/2017	0,25	01/5/2013							5,08	01/9/2014	8.374	7.345	36 năm	55 tuổi 01 tháng	11/1/2020	198.303	102.824	36.723	58.756	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý						
								0,20	01/4/2016							5,42	01/9/2017																
HUYỆN ỦY LẬP VỎ																											148.412	62.489	39.056	46.867			
5	Võ Văn Hùng	Nam	15/4/1963	Cử nhân Chính trị	Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Lập Vò	4,98	01/08/2008	0,30	01/08/2009	8%	01/11/2019	9%	01/08/2015			4,98	01/08/2008	9.458	7.811	31 năm 7 tháng (làm tròn 32 năm)	57 tuổi 5 tháng	10/1/2020	148.412	62.489	39.056	46.867	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý						
								0,20	01/05/2018			10%	01/08/2016																				
												11%	01/08/2017																				
												12%	01/08/2018																				
												13%	01/08/2019																				
												14%	01/08/2020																				
Tổng Cộng:																										878.143	356.838	206.152	315.153				

Biểu số 1c
DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI THÔI VIỆC NGAY ĐỢT 4 NĂM 2020 (LẦN 1)
TRÌNH UBND TỈNH DUYỆT ĐỐI TƯỢNG VÀ CẤP KINH PHÍ
Từ ngày 01 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Kèm theo Công văn số 2344/STC-QLNS ngày 29/9/2020 của Sở Tài chính Đồng Tháp)

Số TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liên kế		Tiền lương tháng nghỉ hưu trước tuổi, do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Thời điểm tính gián biên chế	Được hưởng chính sách (1.000 đồng)			Lý do tính gián	Ghi chú	
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên			Cộng	Trợ cấp tìm việc	Trợ cấp do đóng BHXH			
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
A	KHỐI HÀNH CHÍNH																							735.983	86.183	649.800		
I	KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ																							735.983	86.183	649.800		
I.1	CẤP TỈNH (Khối đảng, đoàn thể)																							371.274	42.869	328.405		
	HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM TỈNH																							109.255	13.143	96.112		
1	Trần Văn Được	Nam	10/7/1963		Nhân viên bảo vệ, Hội Nông dân Việt Nam Tỉnh	2,94	9/1/2019									2,58	01/09/2015	4.381	3.661	17 năm 4 tháng (làm tròn 17,5 năm)	57 tuổi	01/11/2020	109.255	13.143	96.112	Đôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính gián biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý.		
																2,76	01/09/2017											
																2,94	01/09/2019											
ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH																							155.213	17.210	138.003			
2	Nguyễn Văn Hùng	Nam	17/9/1963		Nhân viên lái xe Cơ quan UBMTTQ VN tỉnh Đồng Tháp	3,85	8/1/2020									3,31	01/8/2014	5.737	4.718	19 năm 3 tháng (làm tròn 19,5 năm)	57 tuổi	01/10/2020	155.213	17.210	138.003	Đôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; Cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính gián biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý.		
																3,49	01/8/2016											
																3,67	01/8/2018											
																3,85	01/8/2020											